

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2010-2021

Trương Thu Loan^{1*}, Nguyễn Thị Hồng Hạnh², Hồ Thị Lam Trà³

¹Vụ Nông nghiệp, Văn phòng Chính phủ

²Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

³Hội Khoa học Đất Việt Nam

*Tác giả liên hệ: loantnmt@gmail.com

Ngày nhận bài: 02.07.2023

Ngày chấp nhận đăng: 04.08.2023

TÓM TẮT

Tích tụ tập trung đất đai để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa là xu thế tất yếu. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên. Các phương pháp sử dụng là điều tra thứ cấp, điều tra sơ cấp, đánh giá theo thang đo Likert, T-test. Diện tích đất nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên chiếm 62,52% diện tích đất tự nhiên và có xu hướng giảm với bình quân 215,15 ha/năm trong giai đoạn 2010-2021. Đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh đã tích tụ, tập trung được 6.496,7ha đất nông nghiệp (chiếm 11,17%), với 3 phương thức chính là: (i) thuê quyền sử dụng đất chiếm 48,96%; (ii) tích tụ, tập trung nhưng không thay đổi quyền sử dụng đất chiếm 32,97%; (iii) tích tụ, tập trung trên cơ sở thay đổi quyền sử dụng đất chiếm 19,07%. Người sử dụng đất đánh giá tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên với 2/12 tiêu chí ở mức rất cao và 10/12 tiêu chí ở mức cao. Từ đó đề xuất giải pháp tăng cường tích tụ tập trung đất nông nghiệp.

Từ khóa: Tích tụ, tập trung, đất nông nghiệp, quản lý đất đai, tỉnh Hưng Yên.

Assessing the Situation of Agricultural Land Accumulation and Concentration in Hung Yen Province During 2010-2021 Period

ABSTRACT

Land accumulation and concentration for development of commodity agriculture is an inevitable trend. The study aimed to assess the current situation and propose solutions to enhance accumulation and concentration of agricultural land in Hung Yen province. The methods used included secondary survey, primary survey, Likert scale and T-test. The area of Agricultural land in Hung Yen province is about 62.52% of the natural land area and tends to decrease with an average of 215,15 ha/year in 2010-2021 period. By 2021, Hung Yen province accumulated and concentrated 6.496,7 hectares of agricultural land (11.17%), with 3 main methods: (i) farm rental accounting for 48.96%, (ii) accumulated and concentrated but no change in land use rights, accounting for 32.97%; (iii) accumulated and concentrated based on the change in land use rights accounting for 19.07%. Land users assessed the accumulation and concentration of agricultural land in Hung Yen province with 2/12 criteria at a very good level and 10/12 criteria at a good level. The paper proposed solutions to increase the accumulation and concentration of agricultural land.

Keywords: Accumulation, concentration, agricultural land, land management, Hung Yen province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong sản xuất nông nghiệp đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế (Tuck & Zakout, 2019). Tuy nhiên, nông nghiệp chưa phát triển bền vững bởi một trong những

nguyên nhân chính là quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra chậm (Đỗ Kim Chung, 2018); trong khi đó lại là điều kiện để xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá (SXHH) qui mô lớn (Henderson & cs., 2015; Nguyễn Đình Bông & Nguyễn Thị Thu Hồng, 2017; Nguyễn

Quang Thuấn, 2017; Đỗ Kim Chung, 2018; Trần Quốc Toàn, 2021).

Tỉnh Hưng Yên có diện tích đất tự nhiên là 93.019,74ha, trong đó, đất nông nghiệp (ĐNN) chiếm 62,52%. ĐNN mới tích tụ, tập trung được 11,17% diện tích và chủ yếu mang tính tự phát. Người dân vẫn còn tâm lý giữ đất nên đó là nguyên nhân gây khó khăn cho doanh nghiệp thuê đất; thủ tục thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDD) nông nghiệp phức tạp... Do vậy, việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tích tụ, tập trung ĐNN tại tỉnh Hưng Yên là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp được thu thập từ cơ quan trung ương, các sở, ban ngành của tỉnh Hưng Yên và từ các nghiên cứu đã công bố.

Phương pháp phân vùng và chọn điểm nghiên cứu: Căn cứ vào thực trạng đất đai, điều kiện phát triển và xu hướng sử dụng ĐNN, tỉnh Hưng Yên chia làm hai vùng: (i) vùng 1 gồm huyện Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu, Yên Mỹ và Mỹ Hào, vùng này quá trình tích tụ, tập trung đất đai theo hướng nông nghiệp SXHH mạnh; (ii) vùng 2 gồm: Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cừ, Kim Động và thành phố Hưng Yên, vùng này trồng lúa là chính, ít có sự chuyển đổi. Theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên Khoái Châu là đại diện vùng 1, Tiên Lữ là đại diện vùng 2.

Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp: Để đảm bảo độ tin cậy thống kê, lựa chọn ngẫu nhiên 400 người sử dụng đất nông nghiệp tại hai huyện đại diện để phỏng vấn trực tiếp theo mẫu phiếu soạn sẵn với các tiêu chí như trong bảng 6. Sử dụng thang đo 5 mức của Likert, tương ứng với 5 điểm từ 1-5. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang đánh giá chung là: rất cao: $\geq 4,20$ điểm; cao: $3,40 < 4,20$ điểm; trung bình: $2,60 < 3,40$ điểm; thấp: $1,80 < 2,60$ điểm; rất thấp: $< 1,80$ điểm.

- Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu thu

thập được xử lý bằng SPSS theo các tiêu chí. Độ tin cậy của thang đo được kiểm định bằng Cronbach's Alpha với hệ số Cronbach's Alpha của nhóm lớn hơn 0,6 và biến quan sát có giá trị Corrected Item-Total Correlation lớn hơn 0,3. Sử dụng T-test để kiểm định sự bằng nhau của trung bình 2 tổng thể (2 vùng) với giả thuyết H_0 ($\mu_1 = \mu_2$) và đối thuyết H_1 ($\mu_1 \neq \mu_2$) với mức ý nghĩa α là 0,05 nghĩa là mức độ tin cậy 95%.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở khoa học và thực tiễn của tích tụ, tập trung đất nông nghiệp

3.1.1. Cơ sở khoa học

Tích tụ đất đai là hành vi chủ thể sở hữu và sử dụng ruộng đất dùng các biện pháp khác nhau nhằm tăng quy mô ruộng đất mà mình sở hữu và sử dụng (Henderson & cs., 2015; Đỗ Kim Chung, 2018); là quá trình phân bổ lại các mảnh đất nhằm loại bỏ hoặc hạn chế tình trạng manh mún đất đai (FAO, 2023); là tiền đề phát triển kinh tế hộ trong thời kỳ quá độ chuyển từ sản xuất nhỏ lên SXHH quy mô lớn; được vận động theo cơ chế thị trường qua các hình thức giao dịch làm chuyển QSDD (Nguyễn Đình Bông & Nguyễn Thị Thu Hồng, 2017).

Tập trung đất đai là quá trình làm tăng quy mô đất đai cho sản xuất kinh doanh hay mục đích nào đó nhưng không thay đổi quyền sở hữu hay quyền sử dụng của các chủ thể hữu sử dụng ruộng đất (Van der Ploeg & cs., 2015; Đỗ Kim Chung, 2018). Tập trung đất đai là quá trình phân bổ lại các thửa đất để loại bỏ những ảnh hưởng của sự phân mảnh gắn liền với cải cách kinh tế và xã hội rộng lớn hơn.

Trong nền kinh tế thị trường và sản xuất NNHH, việc tích tụ, tập trung đất đai là tất yếu, đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững. Tích tụ và tập trung đất đai tuy khác nhau ở cách thức tiến hành, quyền tài sản và một số tác động xã hội nhưng có chung mục tiêu là tạo ra một diện tích đất đai quy mô lớn để có thể ứng dụng công nghệ. Như vậy, không thể tách rời khái niệm “tích tụ” và “tập trung” khi thực hiện phát triển NNHH quy mô lớn.

Bảng 1. Diện tích đất nông nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2000-2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2000	2005	2010	2015	2020
Đất nông nghiệp	nghìn ha	8.780,00	10.054,10	10.760,10	12.147,80	12.360,00
Đất trồng trọt		8.138,00	9.412,10	10.118,10	11.505,80	11.718,00
Bình quân diện tích đất trồng trọt	ha/người	0,10	0,11	0,12	0,12	*

Ghi chú: *: Số liệu chưa được thống kê.

Nguồn: FAO (2020).

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Tại Việt Nam, ruộng đất phân tán, manh mún là rào cản chính trong việc nâng cao hiệu quả và giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích đất khi tái cơ cấu nông nghiệp. Diện tích đất bình quân trên hộ nông nghiệp chỉ khoảng 0,46ha, chia thành 2,83 mảnh (Nguyễn Đỗ Anh Tuấn (2019) dẫn theo Brant (2019))

Theo FAO (2020), diện tích ĐNN, đất trồng trọt và bình quân diện tích đất trồng trọt trên người của Việt Nam tăng dần trong giai đoạn 2000-2020. Về bình quân diện tích đất trồng trọt trên đầu người, Việt Nam tăng từ 0,10 ha/người (năm 2000) đến 0,12 ha/người (năm 2015). Để nâng cao năng suất, chất lượng và tỷ suất nông sản hàng hóa, các địa phương đã triển khai dồn điền, đổi thửa và xây dựng cánh đồng lớn. Tuy vậy, đến 01/7/2020, cả nước mới có 2.795 xã thực hiện (chiếm 34,47% số xã) với diện tích 790,1 nghìn ha (chiếm 6,57% đất sản xuất nông nghiệp).

Ngành nông nghiệp thực hiện chủ trương phát triển theo hướng SXHH quy mô lớn, hiện đại nhưng quy mô sản xuất nhỏ và rất nhỏ vẫn là chủ yếu. Bình quân 1 cơ sở sản xuất có 2,56 lao động. Năm 2020 có 20.611 trang trại, chiếm 0,23% tổng số hộ sản xuất nông nghiệp. Bình quân 1 trang trại sử dụng có 5,96ha đất và 4,43 lao động thường xuyên (Tổng cục Thống kê, 2021).

Về pháp lý tích tụ, tập trung ĐNN quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về quản lý đất đai và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm nhấn mạnh cần “Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn...”.

3.1.3. Các phương thức tích tụ, tập trung đất nông nghiệp

Theo Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế TW (2017), Nguyễn Quang Thuấn (2017), Nguyễn Đỗ Anh Tuấn (2019) và Lê Thúy Hằng (2022), một số phương thức tích tụ, tập trung ĐNN là:

(i) Tích tụ, tập trung ĐNN trên cơ sở thay đổi QSDĐ, bao gồm: Chuyển nhượng, thừa kế và tặng cho quyền sử dụng ĐNN.

(ii) Thuê QSDĐ bao gồm: Nông dân thuê đất của nông dân, doanh nghiệp thuê đất của nông dân; nông dân, doanh nghiệp thuê đất của địa phương hoặc nông, lâm trường quốc doanh và doanh nghiệp thuê đất của nông dân thông qua chính quyền địa phương.

(iii) Tích tụ, tập trung ĐNN nhưng không làm thay đổi QSDĐ, bao gồm: Liên kết với hợp tác xã nông nghiệp; liên kết giữa các hộ nông dân để hình thành các tổ hợp tác nông dân; dồn điền, đổi thửa; liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn; góp vốn bằng QSDĐ và mượn ĐNN để sản xuất.

3.2. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

3.2.1. Thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh Hưng Yên

Tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2021 là ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,41%; công nghiệp, xây dựng đạt 9,64%; dịch vụ đạt 6,36%. GRDP theo giá hiện hành năm 2021 đạt 112.306 tỷ đồng; trong đó ngành nông lâm nghiệp và thủy sản đạt 9.751 tỷ đồng. GRDP bình quân đầu người đạt 87 triệu đồng/người/năm. Tổng thu ngân sách đạt 19.368 tỷ đồng.

Ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên đang chuyển mạnh theo hướng SXHH với quy mô, năng suất và chất lượng ngày càng cao. GRDP ngành tăng trưởng bình quân đạt 2,41%/năm giai đoạn 2011-2021, trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 1,97%/năm thấp hơn mức tăng trưởng ngành nông nghiệp cả nước (3,12%/năm), giai đoạn 2016-2021 tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,77%/năm, cao hơn mức tăng trưởng ngành nông nghiệp cả nước (2,54%). Năm 2010, tỷ trọng ngành nông nghiệp đạt 93%, đến năm 2021 giảm còn 89,0%; tỷ trọng ngành thủy sản có xu hướng tăng, năm 2010 chiếm khoảng 7,0% đến năm 2021 tăng lên 13,78%.

3.2.2. Thực trạng sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Hưng Yên

a. Hiện trạng sử dụng đất năm 2021

Tổng diện tích tự nhiên (DTTN) tỉnh Hưng Yên năm 2021 là 93.019,74ha (Bảng 2). Trong đó, ĐNN là 58.158,37ha, chiếm 62,52%; tỉ lệ này thấp hơn bình quân của cả nước là 84,49% (với 27.994,319ha/33.134.480ha tổng DTTN). ĐNN phân bố nhiều nhất tại huyện Ân Thi (8.941,23ha) và huyện Khoái Châu (8.854,66ha). Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 50.654,33ha, chiếm 54,46% tổng DTTN và 87,10% diện tích ĐNN; phân bố nhiều ở Ân Thi

(8.115,61ha), Khoái Châu (7.755,19ha), Kim Động (6.501,44ha), Phù Cừ (5.738,89ha). Đất NTTS có 4.869,91ha, chiếm 5,24% tổng DTTN và 8,37% diện tích ĐNN. ĐNN khác có 2.634,13ha, chiếm 2,83% tổng DTTN và 4,53% diện tích ĐNN.

b. Biến động sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2010-2021

Trong giai đoạn 2010-2021 ĐNN giảm 2.366,63ha (Bảng 3), tương ứng giảm bình quân 215,15 ha/năm (khoảng 0,36% diện tích ĐNN) do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Xu thế này trái với việc tăng diện tích ĐNN của cả nước với bình quân 160.719,91ha (tương đương 0,61%). Cụ thể, đất sản xuất nông nghiệp giảm 3.317,67ha, tương ứng giảm bình quân 301,61 ha/năm (khoảng 0,56% đất sản xuất nông nghiệp); trong khi đất sản xuất nông nghiệp cả nước tăng 1,41%. Nguyên nhân là do chuyển sang đất phi nông nghiệp và các loại đất khác trong nhóm ĐNN (như đất NTTS, ĐNN khác). Trong đó đất trồng lúa giảm 5.960,55ha, tương ứng giảm bình quân 541,87 ha/năm, nguyên nhân do chuyển sang đất phi nông nghiệp và các loại ĐNN khác (đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất NTTS, ĐNN khác).

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Hưng Yên năm 2021 (ha)

Đơn vị hành chính	Đất nông nghiệp	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất NTTS	Đất nông nghiệp khác
Tổng	58.158,37	50.654,33	34.861,87	31.329,45	3.532,42	15.792,46	4.869,91	2.634,13
Mỹ Hào	4.615,18	4.105,88	3.674,20	3.610,65	63,54	431,68	410,66	98,64
Tiên Lữ	5.353,60	4.820,90	3.953,27	3.790,23	163,04	867,63	480,73	51,98
Văn Giang	3.802,19	1.740,59	466,22	253,73	212,48	1.274,38	288,57	1.773,02
TP Hưng Yên	3.831,26	3.484,45	1.723,39	1.054,84	668,54	1.761,06	278,64	68,18
Ân Thi	8.941,23	8.115,61	7.200,61	7.107,68	92,93	914,96	672,09	153,54
Yên Mỹ	5.391,74	4.993,46	3.036,09	2.432,70	603,40	1.957,37	290,31	107,97
Khoái Châu	8.854,66	7.755,19	2.342,69	1.674,33	668,36	5.412,50	1.015,94	83,53
Kim Động	7.070,38	6.501,44	5.236,25	4.589,91	646,34	1.265,19	471,04	97,90
Phù Cừ	6.530,85	5.738,89	4.121,30	3.987,89	133,41	1.617,60	741,11	50,85
Văn Lâm	3.767,28	3.397,92	3.107,86	2.827,48	280,38	290,06	220,84	148,53

Bảng 3. Biến động sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2010-2021 trên phạm vi toàn quốc và tại tỉnh Hưng Yên (ha)

Loại đất	Tỉnh Hưng Yên				Toàn quốc			
	Diện tích năm 2021	Diện tích năm 2010	Tăng, giảm bình quân/năm		Diện tích năm 2021	Diện tích năm 2010	Tăng, giảm bình quân/năm	
			Diện tích	Tỉ lệ (%)			Diện tích	Tỉ lệ (%)
DTTN	93.019,74	93.022,00	-0,21	0,00	3.095.700	33.134.480	3.525,45	0,01
Đất nông nghiệp	58.158,37	60.525,00	-215,15	-0,36	6.226.400	27.994.319	160.719,91	0,61
Đất sản xuất nông nghiệp	50.654,33	53.972,00	-301,61	-0,56	10.126.100	11.693.021	142.447,36	1,41
Đất trồng cây hàng năm	34.861,87	41.330,00	-588,01	-1,42	6.437.600	6.768.301	30.063,73	0,47
Đất trồng lúa	31.329,45	37.290,00	-541,87	-1,45	4.120.200	3.935.367	-16.803,00	-0,41
Đất trồng cây hàng năm khác	3.532,42	4.040,00	-46,14	-1,14	2.317.400	2.832.934	46.866,73	2,02
Đất trồng cây lâu năm	15.792,46	12.641,00	286,50	2,27	3.688.500	4.924.720	112.383,64	3,05
Đất lâm nghiệp	-	-	-	-	15.366.500	15.439.656	6.650,55	0,04
Đất NTTS	4.869,91	5.068,00	-18,01	-0,36	689.800	785.909	8.737,18	1,27
Đất làm muối	-	-	-	-	17.900	15.641	-205,36	-1,15
Đất nông nghiệp khác	2.634,13	1.486,00	104,38	7,02	26.100	60.091	3.090,09	11,84

Đất NTTS giảm 198,09ha, bình quân mỗi năm giảm 18,01ha (tương đương 0,36%), trái với xu hướng tăng 1,27% so với cả nước. Nguyên nhân giảm chủ yếu là chuyển sang đất phi nông nghiệp. ĐNN khác tăng khá nhiều với 1.148,13ha, tương ứng tăng bình quân 104,38 ha/năm (7,02%), thấp hơn bình quân chung của cả nước tăng là 11,84%, nguyên nhân do mở rộng quy mô trang trại. Như vậy, xu thế ĐNN của tỉnh giảm, trái với xu thế tăng của cả nước. Đồng thời chỉ ra xu thế tăng diện tích ĐNN khác và giảm diện tích đất sản xuất nông nghiệp mà cụ thể là đất trồng cây hàng năm. Điều đó cho thấy nhu cầu tích tụ, tập trung đất phục vụ sản xuất NNHH trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3.3. Đánh giá thực trạng tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2021

3.3.1. Kết quả thực hiện tích tụ, tập trung đất nông nghiệp

Đề án khuyến khích tích tụ, tập trung ĐNN để sản xuất NNHH theo quy mô lớn của tỉnh Hưng Yên được chia làm hai giai đoạn:

(1) Tính đến năm 2019, toàn tỉnh tích tụ, tập trung được 4.596,7ha ĐNN (Bảng 4). Trong đó: tích tụ, tập trung để trồng trọt 3.647ha,

(chiếm 79,3%), chăn nuôi 501,6ha (chiếm 10,9%), thủy sản 448,4ha (chiếm 9,8%). Các phương thức tích tụ, tập trung chính gồm:

(i) Tích tụ, tập trung nhưng không thay đổi QSDĐ gồm liên kết hợp tác (ông dân tập trung đất đai dưới việc góp ruộng hình thành các tổ hợp tác, HTX, cánh đồng lớn...) là 694,1ha (chiếm 15,1%) và mượn ĐNN để sản xuất 782,7ha (chiếm 17,02%).

(ii) Thuê QSDĐ 2.231ha (chiếm 48,54%); Hiện nay, phương thức này đã và đang diễn ra một cách tự phát tại một số địa phương trong tỉnh (huyện Văn Lâm, Kim Động, Phù Cừ, thành phố Hưng Yên...), bước đầu phát huy hiệu quả nên cần khuyến khích phát triển.

(iii) tích tụ, tập trung trên cơ sở thay đổi QSDĐ gồm chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho QSDĐ là 888,8ha (chiếm 19,34%).

(2) Năm 2021 toàn tỉnh tích tụ, tập trung được 6.496,7ha (Bảng 5) chiếm 11,17% diện tích ĐNN, trong đó phương thức thuê QSDĐ là nhiều nhất với 3.181,1ha (chiếm 48,96% diện tích), phương thức thay đổi QSDĐ là 1.238,8ha (chiếm 19,07%); phương thức không thay đổi QSDĐ gồm liên kết hợp tác là 1294,1ha, chiếm 19,92% và mượn ĐNN chiếm 12,05% (Số NN&PTNT, 2021).

Bảng 4. Thực trạng tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2019 (ha)

Đơn vị hành chính	Mục đích sử dụng đất sau tích tụ, tập trung				Phương thức tích tụ, tập trung				
	Trồng trọt	Chăn nuôi	NTTS	Tổng	Không thay đổi QSDĐ		Thuê QSDĐ	Thay đổi QSDĐ	Tổng
					Liên kết hợp tác	Mượn ĐNN			
Văn Lâm	92,9	12,2	15,7	120,8	-	12,2	100,5	8,1	120,8
Mỹ Hào	66,7	40,4	117,9	225,0	6,4	96,1	58,8	63,7	225,0
Yên Mỹ	84,5	4,9	6,8	96,2	-	-	82,8	13,4	96,2
Ấn Thi	1.054	5,4	69,5	1.128,9	213,0	445,6	253,5	216,8	1.128,9
Văn Giang	51,3	25,9	54,4	131,6	-	131,6	-	-	131,6
Khoái Châu	836,2	166,2	68,6	1.071,0	219,8	16,4	762,0	72,8	1.071,0
Kim Động	452,4	116,1	54,2	622,7	4,9	33,9	421,9	162,0	622,7
Tiên Lữ	285,0	100,0	25,0	410,0	250,0	35,0	-	125,0	410,0
Phù Cừ	523,9	23,1	28,3	575,3	-	11,9	474,6	88,8	575,3
TP Hưng Yên	199,8	7,4	8,0	215,2	-	-	77,0	138,2	215,2
Tổng	3.647,0	501,6	448,4	4.596,7	694,1	782,7	2.231,0	888,8	4.596,7
Tỉ lệ (%)	79,30	10,90	9,80	100,00	15,10	17,02	48,54	19,34	100,00

Nguồn: Sở NN&PTNT tỉnh Hưng Yên (2020).

Bảng 5. Tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2021 (ha)

Năm	Phương thức	Không thay đổi QSDĐ		Thuê QSDĐ	Thay đổi QSDĐ	Tổng
		Liên kết hợp tác	Mượn ĐNN			
Tính đến năm 2019		694,1	782,7	2.231,1	888,8	4.596,7
Năm 2020		300,0	0,0	350,0	150,0	800,0
Năm 2021		300,0	0,0	600,0	200,0	1.100,0
Tổng		1.294,1	782,7	3.181,1	1.238,8	6.496,7
Tỉ lệ (%)		19,92	12,05	48,96	19,07	100,00

Nguồn: Sở NN&PTNT tỉnh Hưng Yên (2021).

Số liệu bảng 5 cho thấy tích tụ, tập trung theo phương thức thuê QSDĐ là cao nhất, chiếm 48,96% diện tích ĐNN. Kết quả này giống nhưng thấp hơn với nghiên cứu tại tỉnh Thái Bình với tỉ lệ tích tụ, tập trung bằng phương thức thuê đất trong trồng trọt và chăn nuôi lần lượt chiếm tới 74,74% và 77,73% (Lê Thúy Hằng, 2022).

Tỉnh có 782 trang trại, trong đó có 730 trang trại chăn nuôi (chiếm 93,35%), cao hơn so với tỉ lệ trung bình tại vùng đồng bằng sông Hồng (85,24%) và cao hơn nhiều so với tỉ lệ trung bình của cả nước (57,84%). Số trang trại trồng trọt là 46 trang trại (chiếm 5,88%), cao hơn so với đồng bằng sông Hồng (3,04%) và thấp

hơn nhiều so với tỉ lệ trung bình của cả nước (27,4%) (Bảng 6).

3.3.2. Đánh giá của người sử dụng đất

Kết quả điều tra người sử dụng đất được kiểm định bằng Cronbach's Alpha với hệ số Cronbach's Alpha của nhóm lớn hơn 0,6 và biến quan sát có giá trị Corrected Item-Total Correlation đều lớn hơn 0,3. Tổng hợp ý kiến đánh giá được trình bày trong bảng 7.

Người sử dụng đất đánh giá tích tụ, tập trung ĐNN tại tỉnh Hưng Yên với 2/12 tiêu chí ở mức rất cao đó là: phù hợp với chính sách đất đai và phù hợp với xu thế phát triển của tỉnh. Điều đó cho thấy tính tất yếu và quan điểm

đúng đắn của quá trình tích tụ, tập trung ĐNN trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Còn 10/12 tiêu chí được đánh giá ở mức cao và không có sự khác nhau giữa 2 vùng. Điều đó phản ánh thực tế là Hưng Yên là tỉnh có diện tích tụ nhiên tương đối nhỏ, điều kiện về tự nhiên, kinh tế xã hội không có sự khác biệt lớn giữa các đơn vị. Mặt khác, việc thực hiện tích tụ, tập trung ĐNN được phổ biến, thực hiện đồng bộ, thống nhất và nhất quán trong toàn tỉnh từ chính sách đến thực thi.

3.3.3. Đánh giá chung

- Về quy mô diện tích: Diện tích ĐNN đã được tích tụ, tập trung còn thấp, đến năm 2019 mới đạt 4.596,7ha; đến năm 2021, là 6.496,7ha (chiếm 11,17% tổng diện tích ĐNN của tỉnh). Quy mô tích tụ nhỏ (< 1ha), chủ yếu là do các hộ cá thể thuê ĐNN, mượn ĐNN để canh tác; mô hình tích tụ ĐNN có quy mô lớn hơn 5ha chỉ chiếm khoảng 5% tổng diện tích tích tụ, do các

hộ tư nhân chuyển nhượng QSDĐ, đấu thầu đất công điền để làm trang trại và một số HTX thuê đất để sản xuất, kinh doanh.

- Về phương thức tích tụ, tập trung, có ba phương thức chính:

(i) Thuê QSDĐ: phương thức này diễn ra một cách tự phát, bước đầu đã phát huy hiệu quả. Ở phạm vi nhỏ, người sử dụng đất thuê ruộng để phát triển kinh tế trang trại. Tuy nhiên, ở phạm vi nhỏ việc đầu tư cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ... còn hạn chế nên chưa phát huy được lợi thế của sản xuất lớn, khó áp dụng các tiêu chuẩn GAP và sản xuất thiếu tính bền vững. Ở phạm vi lớn hơn, doanh nghiệp, cá nhân phải đứng ra đàm phán và ký hợp đồng cùng một lúc với nhiều hộ; giá thuê đất và thời gian thuê phụ thuộc vào loại đất, vị trí, điều kiện từng hộ nên khó tích tụ, tập trung với quy mô diện tích lớn. Để khuyến khích phát triển phương thức này cần có chiến lược và kế hoạch phù hợp để quyền lợi của hộ dân được đảm bảo, đồng thời doanh nghiệp chấp nhận được giá thuê đất, thời gian thuê đất.

Bảng 6. Tổng hợp các loại hình trang trại tại tỉnh Hưng Yên (trang trại)

Đơn vị hành chính	Các loại hình trang trại				Tổng
	Trồng Trọt	Chăn nuôi	NTTS	Khác	
TP Hưng Yên	5	45			50
Văn Lâm		15			15
Văn Giang	12	184		2	198
Yên Mỹ	1	28		1	30
Mỹ Hào		20			20
Ân Thi		70			70
Khoái Châu	3	138			141
Kim Động	25	128	1	1	155
Tiên Lữ		54			54
Phủ Cù		48		1	49
Toàn tỉnh	46	730	1	5	782
Tỉ lệ (%)	5,88	93,35	0,13	0,64	100,00
Cả nước					
Số trang trại	6.513	13.748	2.813	697	23.771
Tỉ lệ (%)	27,40	57,84	11,83	2,93	100,00
Đồng bằng sông Hồng					
Số trang trại	192	5.375	612	127	6.306
Tỉ lệ (%)	3,04	85,24	9,71	2,01	100,00

Nguồn: Cục Thống kê Hưng Yên (2022).

Bảng 7. Đánh giá của người sử dụng đất về thực trạng tích tụ tập trung đất nông nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Trung bình toàn tỉnh	Vùng	Giá trị trung bình (điểm)	Mức đánh giá	Độ lệch chuẩn	Sai số trung bình	Sig. (2-tailed)
Phù hợp với chính sách	3,77	1	3,74	Cao	0,52	0,04	0,281
		2	3,81	Cao	0,57	0,04	
Chính sách đầu tư	3,45	1	3,40	Cao	0,72	0,05	0,175
		2	3,50	Cao	0,80	0,06	
Chính sách đất đai	4,21	1	4,20	Rất cao	0,68	0,05	0,754
		2	4,23	Rất cao	0,70	0,05	
Chính sách hỗ trợ của nhà nước	3,66	1	3,62	Cao	0,55	0,04	0,166
		2	3,69	Cao	0,50	0,04	
Phù hợp với tình hình sản xuất của địa phương	3,85	1	3,81	Cao	0,62	0,04	0,221
		2	3,89	Cao	0,67	0,05	
Mục tiêu phát triển	3,82	1	3,78	Cao	0,77	0,05	0,255
		2	3,87	Cao	0,74	0,05	
Tiềm năng của địa phương	3,47	1	3,40	Cao	0,74	0,05	0,127
		2	3,53	Cao	0,87	0,06	
Xu thế phát triển	4,26	1	4,25	Rất cao	0,72	0,05	0,678
		2	4,28	Rất cao	0,65	0,05	
Phù hợp với công tác Quản lý đất đai	3,75	1	3,72	Cao	0,78	0,05	0,378
		2	3,79	Cao	0,73	0,05	
Quy trình và TTHC công khai, minh bạch	3,55	1	3,51	Cao	0,88	0,06	0,338
		2	3,59	Cao	0,85	0,06	
Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	3,79	1	3,75	Cao	0,84	0,06	0,403
		2	3,82	Cao	0,71	0,05	
Phù hợp với hạn mức sử dụng đất	3,92	1	3,90	Cao	0,77	0,05	0,511
		2	3,95	Cao	0,75	0,05	
Phù hợp với năng lực của đối tượng sử dụng đất	3,68	1	3,63	Cao	0,83	0,06	0,182
		2	3,74	Cao	0,78	0,06	
Năng lực quản lý theo quy mô đất đai	3,72	1	3,73	Cao	0,69	0,05	0,814
		2	3,71	Cao	0,64	0,05	
Khả năng đáp ứng lao động	3,67	1	3,58	Cao	0,95	0,07	0,054
		2	3,76	Cao	0,91	0,06	
Khả năng về vốn	3,66	1	3,59	Cao	0,97	0,07	0,098
		2	3,74	Cao	0,92	0,07	

(ii) Tích tụ, tập trung trên cơ sở thay đổi QSDĐ: quy mô nhỏ (chỉ chiếm 19,07% tổng diện tích tích tụ). Điều này cho thấy tâm lý, nhu cầu giữ ruộng đất dù không sản xuất nông nghiệp của người dân còn cao, giống với với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Hoa (2018). Tác động tích cực là phương thức này cho phép người nhận chuyển nhượng hình thành các

trang trại, mở rộng quy mô sản xuất theo hướng hiện đại. Hạn chế của phương thức này là nguồn cung đất tại địa phương không còn nhiều nên người chuyển nhượng thường đòi giá cao, vốn của hộ ít nên chuyển nhượng nhỏ lẻ hạn chế trong tích tụ, tập trung để SXHH quy mô lớn. Phương thức này cũng dẫn đến hệ quả là một số lao động nông thôn không còn ĐNN để canh tác,

họ thay đổi hoàn toàn sinh kế, khó khăn trong việc chuyển đổi nghề nghiệp và thay đổi vị thế xã hội. Mặt khác, hình thức này dễ dẫn đến hiện tượng tích tụ, tập trung ĐNN với mục đích đầu cơ bất động sản để chuyển đổi mục đích SDD chứ không thực sự để đầu tư SXNN. Do một số quy định của Luật Đất đai nên dù có đủ nguồn lực kinh tế thì doanh nghiệp cũng khó có thể tích tụ, tập trung theo hình thức này.

(iii) Tích tụ, tập trung nhưng không thay đổi QSDĐ: phương thức liên kết hộ nông dân để hình thành các tổ hợp tác xã, liên kết hợp tác xã, liên kết giữa hộ và hợp tác xã đã thỏa mãn được đầy đủ các yêu cầu của tích tụ, tập trung ĐNN theo hướng SXHH, hình thành “cánh đồng lớn”, nâng cao hiệu quả sản xuất. Phương thức này có nhiều ưu điểm và đang được khuyến khích phát triển tại tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả, cần có cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng, tín dụng ưu đãi, bảo hiểm rủi ro... để phát triển bền vững. Ngoài ra tại tỉnh Hưng Yên có tồn tại phương thức tích tụ, tập trung không thay đổi QSDĐ thông qua mượn ĐNN tập trung nhiều ở một số địa phương gần khu công nghiệp và phát triển dịch vụ. Phương thức này do thời gian cho mượn không cố định nên hộ mượn ĐNN không tích cực đầu tư để cải thiện vùng sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, do vậy chưa phát huy được hiệu quả sản xuất.

- Về kết quả thực hiện: theo đánh giá của người sử dụng đất, tích tụ, tập trung ĐNN tại tỉnh Hưng Yên đã phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với tình hình sản xuất của địa phương; phù hợp với công tác quản lý đất đai và năng lực của người sử dụng đất.

3.4. Giải pháp để tăng cường tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên

Để thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng ĐNN cần quy hoạch trung và dài hạn, phát triển các vùng và sản phẩm NNHH chất lượng cao gắn với lợi thế so sánh của từng vùng, từng sản phẩm, từng nhóm hộ. Tích tụ, tập trung ĐNN cần được gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, phân công lại lao động theo đặc điểm của từng địa phương. Phát triển kinh tế hộ theo

hướng SXHH phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực và theo quy hoạch. Nâng cao trình độ và năng lực cạnh tranh của hộ để phát triển các trang trại hiện đại. Phát triển các mô hình HTX trên nguyên tắc “tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi”. Xây dựng trung tâm hỗ trợ giao dịch ĐNN với chức năng cung cấp thông tin, hỗ trợ định giá, thiết kế hợp đồng và giải quyết tranh chấp. Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp.

Hoàn thiện các chính sách về đất đai, với các vấn đề chính gồm: (1) tháo gỡ chính sách hạn điền; (2) bảo đảm ĐNN tích tụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp; (3) xây dựng chính sách thuế với những đối tượng tích tụ ĐNN không được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp; (4) quy định và giám sát chặt chẽ việc hộ tách thửa thông qua thửa kế ĐNN; (5) xây dựng cơ chế cho phép chuyển đổi linh hoạt và phân quyền cho địa phương thẩm định phương án chuyển đổi mục đích sử dụng trong nội bộ ĐNN; (6) bảo đảm quyền tài sản trên đất của những nhà đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện tốt các chính sách rút lao động ra khỏi nông nghiệp và hỗ trợ thay đổi sinh kế. Tạo điều kiện vốn hóa đất đai, tài sản và phát triển bảo hiểm xã hội cho những nông dân rời bỏ nông nghiệp tham gia lĩnh vực phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị. Đẩy mạnh phát triển các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn và tăng cường công nghiệp hóa nông thôn.

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các quyền cho thuê, góp vốn, chuyển nhượng QSDĐ để sử dụng đất một cách hiệu quả, mang lại lợi ích nhiều hơn cho người sử dụng đất; đồng thời, tạo diện tích đất lớn để đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng SXHH.

4. KẾT LUẬN

Tỉnh Hưng Yên có tổng diện tích tự nhiên là 93.019,74ha; trong đó ĐNN chiếm 62,52%, thấp hơn tỉ lệ bình quân của cả nước (84,49%). Giai đoạn 2010-2021, diện tích ĐNN của tỉnh giảm 2.366,63ha, tương ứng giảm bình quân

215,15 ha/năm. Toàn tỉnh tích tụ, tập trung được 6.496,7ha ĐNN (chiếm 11,17%), với ba phương thức chính là: (i) thuê đất chiếm 48,96%; (ii) tích tụ, tập trung trên cơ sở thay đổi QSDĐ là 19,07%; (iii) tích tụ, tập trung nhưng không thay đổi QSDĐ là 32,97%. Người sử dụng đất đánh giá tích tụ, tập trung ĐNN tại tỉnh Hưng Yên với 2/12 tiêu chí ở mức rất cao và 10/12 tiêu chí ở mức cao. Để tăng cường tích tụ tập trung ĐNN cần thực hiện các giải pháp: (1) quy hoạch trung và dài hạn phát triển các vùng và sản phẩm NNHH chất lượng cao; (2) hoàn thiện các chính sách về đất đai; (3) thực hiện tốt các chính sách và giải pháp rút lao động ra khỏi nông nghiệp và hỗ trợ thay đổi sinh kế; (4) tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các quyền cho thuê đất, góp vốn, chuyển nhượng QSDĐ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban chấp hành Trung ương Đảng (2022). Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Cục Thống kê Tỉnh Hưng Yên (2022). Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên. Nhà xuất bản Thống kê.
- Đỗ Kim Chung (2018). Tích tụ và tập trung đất đai: cơ sở lý luận và thực tiễn cho phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 16(4): 412-424.
- FAO (2020). World Food and Agriculture - Statistical Yearbook . Rome. Retrieved from <https://www.fao.org/3/cb1329en/online/cb1329en.html#chapter-an-nex4> on July 7, 2023.
- Henderson H., Corral L., Simning E. & Winters P. (2015). Land accumulation dynamics in developing country agriculture. *Journal of Development Studies*. 25(6): 743-761.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội.
- Lê Thúy Hằng (2022). Tích tụ tập trung ruộng đất: Khung pháp lý của Việt Nam-Khảo sát thực tiễn tại Hà Nam và Thái Bình. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Likert R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. *Archives of Psychology*. 140(55).
- Nguyễn Đình Bồng & Nguyễn Thị Thu Hồng (2017). Một số vấn đề về tích tụ, tập trung đất đai trong phát triển nông nghiệp và nông thôn hiện nay. *Tạp chí Cộng sản*. 896: 39-44.
- Nguyễn Đỗ Anh Tuấn (2019). Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất nhằm sản xuất hàng hóa quy mô lớn trong nông nghiệp ở Việt Nam. Viện chính sách và chiến lược phát triển nông thôn (Đề tài cấp Bộ).
- Nguyễn Quang Thuán (2017). Tích tụ, tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện mới. *Tạp chí Xã hội học*. 4(140): 3-15.
- Nguyễn Thị Phương Hoa (2018). Nhu cầu ruộng đất của người nông dân hiện nay. *Tạp chí Tâm lý học*. 1(226).
- Sở NN&PTNT tỉnh Hưng Yên (2020). Đề án khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2020-2024.
- Tổng cục Thống kê (2021). Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trần Quốc Toàn (2021). Vấn đề tích tụ - tập trung ruộng đất phát triển nông nghiệp hàng hóa. Truy cập từ <https://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/van-de-tich-tu---tap-trung-ruong-dat-phat-trien-nong-nghiep-hang-hoa-phan-2.html> ngày 01/6/2023.
- Tuck L. & Zakout W. (2019). 7 reasons for land and property rights to be at the top of the global agenda. Retrieved from <https://blogs.worldbank.org/voices/7-reasons-land-and-property-rights-be-top-global-agenda> on July 7, 2023.
- van der Ploeg J.D., Franco J.C. & Borrás S.M. (2015). Land concentration and land grabbing in Europe: a preliminary analysis. *Canadian Journal of Development Studies/ Revue canadienne d'études du développement*. 36(2): 147-162.
- Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế TW (2017). Các hình thức tích tụ, tập trung ruộng đất trong nông nghiệp: Vấn đề và giải pháp. Trung tâm thông tin - tư liệu, Hà Nội. tr. 1-17.